TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 634/2020/HC-PT
Ngày: 19 - 10 - 2020
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Hoàng Minh Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngát - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 441/2020/TLPT-HC ngày 19 tháng 8 năm 2020 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 766/2020/HCST ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3640/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ: tổ 7, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Đồng Anh T, ông Nguyễn Thanh L. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Đ, Phường 8, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện*: Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp

Địa chỉ: đường Tr, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Minh Q – Phó Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp. (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Bà Trần Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Trần Thị Th trình bày:

Ngày 09/9/2019, bà Trần Thị Th nhận được Quyết định số 38/QĐ- XPVPHC ngày 27/8/2019 của Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Quyết định số 38) có nội dung xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Th do đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Công chứng hợp đồng, giao dịch trong trường hợp không có căn cứ xác định quyền sử dụng, sở hữu riêng đối với tài sản khi tham gia giao dịch tại các Văn bản công chứng số 00016397 ngày 18/12/2018, số 00013242 ngày 05/10/2018, số 00015949 ngày 08/12/2018, theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 14 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ, đã được sửa đổi tại Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 của Chính phủ.

Tình tiết tăng nặng: Vi phạm hành chính nhiều lần.

Bị áp dụng hình thức xử phạt như sau:

- Hình phạt chính: Phạt tiền, mức phạt: 9.000.000 đồng.

- Hình phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Thẻ công chứng viên 12 tháng đối với công chứng viên Trần Thị Th kể từ ngày 27/8/2019.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính, việc Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp ban hành quyết định xử phạt hành chính chỉ căn cứ vào tình tiết tăng nặng để xử phạt bà Th bằng hình phạt bổ sung tước quyền sử dụng thẻ công chứng viên 12 tháng kể từ ngày 27/8/2019 là không xem xét toàn bộ nội dung vụ việc cũng như các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, khoản 4 Điều 9 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 3 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ. Việc áp dụng bổ sung hình phạt bổ sung nêu trên là gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của bà Th. Đồng thời, bà Th phải chịu sự chỉ đạo, ép buộc của Trưởng Văn phòng Công chứng Hồ Nhật Tú Tr đối với việc ký các hồ sơ công chứng trên.

Do đó, bà Th khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 38/QĐ- XPVPHC ngày 27/8/2019 của Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp.

Người bị kiện Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp có văn bản trình bày:

Thực hiện Quyết định thanh tra số 39/QĐ-TTR ngày 05/8/2019 của Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp, Thanh tra Bộ Tư pháp đã tiến hành thanh tra đối với Văn phòng công chứng Hồ Nhật Tú Tr.

Quá trình thanh tra đã phát hiện một số hành vi vi phạm của bà Trần Thị Th (Công chứng viên của Văn phòng công chứng Hồ Nhật Tú Tr) trong quá trình công chứng nên Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp đã xử phạt hành chính đối với bà Th theo Quyết định số 38.

Thanh tra Bộ Tư pháp thấy rằng không có cơ sở để thực hiện yêu cầu hủy Quyết định số 38 với các lý do sau:

Về căn cứ pháp lý:

Trong quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra đã làm việc với bà Hồ Nhật Tú Tr

(Trưởng Văn phòng công chứng Hồ Nhật Tú Tr) và bà Trần Thị Th. Nội dung làm việc được lập Biên bản làm việc ngày 21/8/2019 và Phụ lục kèm theo Danh sách hồ sơ công chứng gồm các hợp đồng, giao dịch làm căn cứ làm việc. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu hồ sơ, Biên bản làm việc và Phụ lục danh sách hồ sơ công chứng kèm theo cho thấy:

+ Hồ sơ số 00016397 quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/12/2018: Công chứng hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị H; Bên nhận chuyển nhượng bà Nguyễn Thị H1. Tài sản chuyển nhượng là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 27 tại xã Tr1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/6/2008.

Hồ sơ thể hiện: Ngày 13/9/2013, ông Trịnh Ngọc Th tặng cho bà Nguyễn Thị H một phần quyền sử dụng đất tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 27 tại xã Tr1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, được Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận (số công chứng 037627) nhưng chưa làm thủ tục đăng ký biến động tại cơ quan đăng ký đất đai.

Ngày 24/9/2013, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 341/2013/QĐST-HNGĐ giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Ngọc Th, về tài sản chung và nợ chung "cả hai khai không có, không yêu câu Tòa giải quyết".

Ngày 08/12/2018, tại Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Trịnh Ngọc Th và bà Nguyễn Thị H đã tiến hành hủy bỏ Hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 27 tại xã Tr1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (số công chứng 046241). Theo nội dung hủy bỏ Hợp đồng tặng cho nói trên cho thấy: Ông Trịnh Ngọc Th vẫn là đồng sử dụng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 27 tại xã Tr1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó, việc công chứng viên xác định quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 27 tại xã Tr1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị H là chưa đủ căn cứ.

Giải trình của bà Trần Thị Th tại Biên bản làm việc ngày 21/8/2019: "Tôi *có tra cứu trên hệ thống nhưng do sơ suất không nhìn thấy đã có văn bản hủy bỏ hợp đồng tặng cho"*.

+ Hồ sơ số 00015949/HĐGD-HĐCN quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/12/2018: Công chứng Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Phạm Dương H, bà Võ Thị Hồng C, bà Huỳnh Thị Mỹ H, bà Võ Hồng L với bà Trần Thị H, ông Nguyễn Hữu H.

Qua hồ sơ cho thấy: Ngày 25/7/2018, bà Võ Thị Hồng C được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL580521 đối với thửa đất số 547 tờ bản đồ số 18 tại xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Cùng sử dụng đất với ông Phạm Dương H, bà Huỳnh Thị Mỹ H, bà Võ Thị Hồng L). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên được cấp đổi từ Giấy chứng nhận số CH03536 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/6/2014. Ngày 08/12/2018, bà C (cùng ông H, bà H, bà L) chuyển nhượng phần quyền sử dụng đất của mình cho bà Trần Thị H và ông Nguyễn Hữu H. Tài sản nói trên là tài sản có

trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Võ Thị Hồng C và ông Phạm Văn T nhưng khi thực hiện công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C với người khác lại chỉ có mình bà C ký và không có tài liệu nào thể hiện quyền sử dụng đất chuyển nhượng là tài sản riêng của bà C.

Căn cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 163/2015/QĐST- HNGĐ ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân quận B1 giữa bà Võ Thị Hồng C và ông Phạm Văn T, về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác "bà C và ông T tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét". Từ đó, công chứng viên xác định đây là tài riêng của bà C để chuyển nhượng cho người khác là chưa đủ căn cứ.

Giải trình của bà Trần Thị Th: *"Tôi làm theo ghi nhận của Tòa án, Tòa án xác nhận không có tài sản chung, cùng với việc sợ Văn phòng mất khách nên trưởng Văn phòng chỉ đạo tôi ký những hợp đồng này"*.

+ Hồ sơ số 00013242/HĐGD-HĐMB quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/10/2018: Công chứng Hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Trần Thị Ch và ông Huỳnh Minh T.

Hồ sơ thể hiện: Ngày 05/10/2018, công chứng viên Trần Thị Th đã công chứng Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở giữa bà Trần Thị Ch và ông Huỳnh Minh T. Tài sản chuyển nhượng là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 1019-2, tờ bản đồ số 04 (sơ đồ nền địa chỉ tại ấp 1, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh); Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 70135011166 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/5/2004.

Ngày 31/01/2018, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 92/2018/QĐST-HNGĐ công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa bà Trần Thị Ch và ông Nguyễn Văn L, về tài sản chung: "các đương sự cùng khai không có". Tuy nhiên, quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà được chuyển nhượng nói trên có trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Ch, ông L, hồ sơ công chứng không có tài liệu chứng minh tài sản chuyển nhượng là tài sản riêng của bà Ch. Do vậy, việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà nói trên chỉ có một mình bà Ch ký là không đảm bảo cơ sở pháp luật.

Ngoài ra, trước đó, ngày 19/5/2015, bà Trần Thị Ch và ông Nguyễn Văn L cũng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1019-2 để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho Công ty TNHH MTV A. Hợp đồng này được công chứng tại Văn phòng Công chứng T, nay là Văn phòng Công chứng Hồ Nhật Tú Tr.

Kết thúc buổi làm việc ngày 21/8/2019, Đoàn thanh tra đã yêu cầu bà Trần Thị Th giải trình về các nội dung có liên quan đến Biên bản làm việc và Danh sách hồ sơ công chứng đã được Đoàn thanh tra lập kèm theo Biên bản làm việc gửi về Đoàn thanh tra - Thanh tra Bộ pháp trước ngày 31/8/2019.

Ngày 24/8/2019, bà Trần Thị Th có Báo cáo giải trình, theo đó, bà Th có ý kiến: Tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nhưng chỉ một người tham gia giao dịch là do bà Th căn cứ vào quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án có ghi tài sản chung: "không có". Hơn nữa, Trưởng Văn phòng công chứng đã chỉ đạo gặp những trường hợp trên thì Công chứng viên vẫn ký. Tuy nhiên, nhờ sự giải

thích của Đoàn thanh tra, bà Th sẽ rút kinh nghiệm để khắc phục các lỗi trên.

Như vậy, bà Trần Thị Th đã nhiều lần thực hiện công chứng các Hợp đồng chuyển nhượng khi không có căn cứ xác định quyền sử dụng, quyền sử dụng riêng đối với tài sản chuyển nhượng. Hành vi vi phạm nói trên phải xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 14 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 của Chính phủ.

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Căn cứ Luật Thanh tra; Luật Xử lý vi phạm hành chính và các Nghị định hướng dẫn thi hành về Luật Thanh tra và Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 của Chính phủ; trên cơ sở Biên bản làm việc, Biên bản vi phạm hành chính và Báo cáo giải trình ngày 24/8/2019 của bà Trần Thị Th, Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 38.

Như vậy:

- Hành vi thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch trong trường hợp không có căn cứ xác định quyền sử dụng, sở hữu riêng đối với tài sản khi tham gia giao dịch tại các Văn bản công chứng số 00016397 ngày 18/12/2018, số 00013242 ngày 05/10/2018, số 00015949 ngày 08/12/2018 của bà Trần Thị Th là hành vi vi phạm hành chính được quy định tại điểm đ khoản 3, điểm b khoản 7 Điều 14 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 của Chính phủ. Hành vi vi phạm nói trên diễn ra nhiều lần và trong thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Thanh tra Bộ Tư pháp đã lập Biên bản làm việc (kèm theo danh sách các vụ việc) ngày 21/8/2019 nêu rõ vi phạm của bà Th khi thực hiện công chứng các văn bản nói trên và cho bà Th thời gian giải trình theo đúng quy định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tại Biên bản làm việc ngày 21/8/2019 và Bản giải trình ngày 24/8/2019, bà Th đã nhận thức những vi phạm của mình và sẽ rút kinh nghiệm, khắc phục những vi phạm nói trên.

- Căn cứ hồ sơ công chứng thu thập được, Biên bản làm việc (kèm theo danh sách các vụ việc) ngày 21/8/2019 và giải trình của bà Trần Thị Th, Thanh tra viên Thanh tra Bộ Tư pháp đã lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 21/8/2019 là thực đúng quy định tại Điều 57, Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính ngày 21/8/2019, Bản giải trình ngày 24/8/2019 của bà Trần Thị Th, Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 38 đối với bà Trần Thị Th là thực hiện đúng quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Khoản 4 Điều 67, điểm đ khoản 3, điểm b khoản 7 Điều 14 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 của Chính phủ.

Việc bà Trần Thị Th yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 38 là không có

cơ sở. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 766/2020/HC-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 19 Luật Thanh tra năm 2010; Điều 6, khoản 4 Điều 46, Điều 57, Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm đ khoản 3, điểm b khoản 7 Điều 14 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 của Chính phủ;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th về hủy Quyết định số 38/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính ngày 27/8/2019 của Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/6/2020, bà Trần Thị Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Th đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, hủy toàn bộ Quyết định số 38/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính ngày 27/8/2019 của Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bà Th đã thừa nhận hành vi công chứng sai, tuy nhiên bà Th cho rằng về thời hạn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là nhanh so với biên bản lập vi phạm hành chính, không cho bà Th giải trình lần 2 nên việc ban hành Quyết định số 38/QĐ- XPVPHC ngày 27/8/2019 của Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp không đúng quy định pháp luật. Xét thấy lý do bà Th đưa ra là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Th làm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bà Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 38/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính ngày 27/8/2019 của Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp.

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 38/QĐ-XPVPHC:

Thực hiện Quyết định thanh tra số 39/QĐ-TTR ngày 05/8/2019 của Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp đối với Văn phòng công chứng Hồ Nhật Tú Tr, Thanh tra Bộ Tư pháp đã phát hiện hành vi vi phạm của công chứng viên Trần Thị Th trong quá trình hành nghề công chứng tại Văn phòng công chứng Hồ Nhật Tú Tr. Ngày 21/8/2019, Thanh tra Bộ tư pháp lập biên bản làm việc với bà Th. Ngày 27/8/2019, Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 38/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Th là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 19 Luật Thanh tra, Điều 46, 58, 66, 67 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[2.2] Về nội dung:

Tại biên bản làm việc ngày 21/8/2019 và tại bản giải trình bày 21/8/2019, bà Trần Thị Th thừa nhận có sai sót trong việc công chứng 03 hồ sơ gồm: hồ sơ số 00016397 ngày 18/12/2018, hồ sơ số 00013242 ngày 05/10/2018 và hồ sơ số 00015949 ngày 08/12/2018. Theo đó, bà Th đã có hành vi thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch trong trường hợp không có căn cứ xác định quyền sử dụng, quyền sở hữu riêng đối với tài sản khi tham gia giao dịch.

Hành vi của bà Th đã vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 14 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Mức hình phạt chính quy định tại điểm đ khoản 3 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ là từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; đồng thời điểm b khoản 7 Điều 14 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP còn quy định hình thức phạt bổ sung *"Tước quyền sử dụng Thẻ công chứng viên từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này"*. Quyết định số 38/QĐ-XPVPHC xử phạt bà Trần Thị Th 9.000.000 đồng và phạt bổ sung tước quyền sử dụng Thẻ công chứng viên 12 tháng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Bà Trần Thị Th kháng cáo cho rằng việc bà thực hiện hành vi vi phạm là do bà Hồ Nhật Tú Tr – trưởng Văn phòng tạo áp lực buộc thực hiện nhưng không có chứng cứ chứng minh. Hơn nữa, bản thân bà Th là công chứng viên thì buộc phải tuân thủ quy định pháp luật và phải chịu trách nhiệm với công việc mình thực hiện. Lý do bà Th đưa ra là không chính đáng.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Th, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Bà Trần Thị Th là người cao tuổi, được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Th. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 766/2020/HC-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 19 Luật Thanh tra năm 2010; Điều 6, khoản 4 Điều 46, Điều 57, Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm đ khoản 3, điểm b khoản 7 Điều 14 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 của Chính phủ;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th về hủy Quyết định số 38/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính ngày 27/8/2019 của Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp.

Bà Trần Thị Th là người cao tuổi, được miễn án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán		**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Hoàng Minh Thịnh	**Lê Thành Văn**	**Trần Thị Thu Thủy**